

CÔNG TY TNHH – TT PHÂN PHỐI
DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Số: 249./2020/QĐ - TTPDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về mã định danh vùng, khách hàng bán buôn, bán lẻ, đơn đặt hàng, đơn hàng, sản phẩm, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử và phân quyền chữ ký số trên hóa đơn GTGT trong hệ thống TTPP Dược phẩm Vimedimex

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH – TT PHÂN PHỐI DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH – Trung tâm phân phối Dược phẩm Vimedimex;

Căn cứ Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty;

Xét nhu cầu thực tế của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành theo quyết định này là quy định về mã định danh vùng, khách hàng bán buôn, bán lẻ, đơn đặt hàng, đơn hàng, sản phẩm, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử và phân quyền chữ ký số trên hóa đơn GTGT trong hệ thống TTPP Dược phẩm Vimedimex.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, các phòng ban liên quan thuộc Công ty TNHH – Trung tâm phân phối Dược phẩm Vimedimex chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Mỹ Linh



**CÔNG TY TNHH – TTPP
DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUY ĐỊNH VỀ MÃ ĐỊNH DANH

VÙNG, KHÁCH HÀNG BÁN BUÔN, BÁN LẺ, ĐƠN ĐẶT HÀNG, ĐƠN HÀNG, SẢN PHẨM, HÓA ĐƠN GTGT, PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYỂN ĐIỆN TỬ VÀ PHÂN QUYỀN KÝ CHỮ KÝ SỐ TRÊN HÓA ĐƠN GTGT TRONG HỆ THỐNG TTPP DƯỢC PHẨM VIMEIDMEX

(Ban hành kèm theo quyết định số: 249 /2020/QĐ-TTPP ngày 22/12/2020)

I. Quy định chung về mã định danh

1. Mục đích áp dụng mã định danh

- Xây dựng khung kiến trúc hạ tầng trong hệ thống TTPP, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y dược, nhằm tối ưu hóa các hệ thống công nghệ thông tin, tăng cường sự liên thông giữa các hệ thống thông tin y dược và sử dụng các hệ thống thông tin y dược một cách hiệu quả nhất, phục vụ cho hoạt động của hệ thống TTPP Vimedimex.

- Tích hợp hệ thống phần mềm Oracle netsuite, MobiWork DMS, phần mềm Bravo, phần mềm Softdream được cài đặt trên Website thương mại điện tử vietpharm.com.vn cung cấp mã định danh điện tử cho đại lý phân phối cấp 1; Đại lý phân phối cấp 2; Đơn hàng bán buôn; Đấu thầu tại các cơ sở khám chữa bệnh; Hóa đơn GTGT; Mã định danh phiếu xuất kho kiểm vận chuyển điện tử.

- Tích hợp phần mềm phần mềm Oracle netsuite, Mobile app, phần mềm Bravo, phần mềm Softdream được cài đặt trên Website thương mại điện tử của vietpharm.com.vn cung cấp mã định danh điện tử người hành nghề tại cơ sở khám chữa bệnh; Mã định danh đơn thuốc điện tử; Mã định danh đơn hàng bán lẻ, bán lẻ online; Mã định danh Hóa đơn GTGT.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và nâng cao trách nhiệm của người hành nghề tại cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là Bác sỹ kê đơn thuốc điện tử trong việc thực hiện quy định của pháp luật về kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn trọng tâm là kháng sinh, sinh phẩm, thuốc hướng thần, thuốc gây nghiện qua đó góp phần giảm tình lạm dụng thuốc, sử dụng thuốc không hợp lý.

2. Nguyên tắc đặt mã định danh

- Mã định danh điện tử của các địa phương là chuỗi ký tự có độ dài tối đa là 05 ký tự số và được chia thành các nhóm ký tự như sau: 03 ký tự số đầu tiên quy định mã Tỉnh/Thành phố, 02 ký tự số tiếp theo quy định mã cho Quận/Huyện. Phân cấp hành chính thấp hơn sẽ sử dụng tên địa danh tại địa phương đó.



- Mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức là chuỗi ký tự để phân biệt, xác định duy nhất các cơ quan, tổ chức khi kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Phổ biến cho các nhân viên giao dịch sử dụng để thuận tiện trong việc áp dụng các mã định danh theo vùng, theo khách hàng, theo đơn thuốc điện tử, theo sản phẩm, theo đơn hành, theo hóa đơn GTGT trong hệ thống TTPP Vimedimex trên cơ sở tích hợp phần mềm Oracle netsuite, MobiWork DMS, Mobile app

II. Hệ thống mã định danh phục vụ nghiệp vụ Nhập hàng:

1. Mã định danh nhà cung cấp hàng hóa:

Là chuỗi ký tự gồm 4 chữ số. Trong đó chữ số đầu tiên thể hiện xuất xứ nhà cung cấp là trong nước hay nước ngoài. 3 chữ số tiếp theo là dãy số nhảy tăng dần.

Ví dụ: 1001: Nhà cung cấp trong nước, số thứ tự 001

2001: Nhà cung cấp ở nước ngoài, số thứ tự 001

2. Mã định danh hàng hóa:

2.1. Phân loại theo nhóm hàng hóa: Có 5 nhóm sản phẩm chính:

a) Thuốc : Mã **T**

b) Thực phẩm chức năng: Mã **P**

c) Thiết bị y tế: Mã **Y**

d) Vật tư tiêu hao: Mã **H**

đ) Hàng tiêu dùng: Mã **D**

Riêng đối với các sản phẩm khuyến mại, sản phẩm của nhóm hàng hóa nào mang mã định danh của nhóm đó, thêm tiền tố **M** phía sau. Ví dụ: **TM**: Hàng khuyến mại cho thuốc. **PM**: Hàng khuyến mại cho TPCN,....

2.2. Phân loại theo nguồn gốc xuất xứ:

- Thuốc nhập trong nước: Mã **1**

- Thuốc nhập khẩu: Mã **2**

2.3. Phân loại thuốc theo nhóm hoạt chất:

- Nhóm thuốc kê đơn: Mã **1**

- Nhóm thuốc không kê đơn: Mã **2**

- Nhóm thuốc đông Y: Mã **3**

2.4. Phiên giải chuỗi ký tự

Mỗi sản phẩm sẽ được gán mã định danh duy nhất là chuỗi ký tự và số theo phân loại như mục 1, 2. Cụ thể:

Mã định danh sản phẩm	Phân loại theo nhóm sản phẩm	Phân loại theo nguồn gốc xuất xứ	Phân loại thuốc theo nhóm hoạt chất	Thứ tự trong dãy số nhảy 5 số
T110001	T	1	1	00001
	Thuốc	Thuốc nhập trong nước	Thuốc kê đơn	Số thứ tự 00001

Mã định danh sản phẩm	Phân loại theo nhóm sản phẩm	Phân loại theo nguồn gốc xuất xứ	Phân loại thuốc theo nhóm hoạt chất	Thứ tự trong dãy số nhảy 5 số
T2200001	T	2	2	00001
	Thuốc	Thuốc nhập khẩu	Thuốc không kê đơn	Số thứ tự 00001
T1300001	T	1	3	00001
	Thuốc	Thuốc nhập trong nước	Thuốc Đông Y	Số thứ tự 00001
TM00001	T		M	00001
	Nhóm thuốc		Hàng khuyến mại	Số thứ tự 00001
P100001	P	1		00001
	Thực phẩm chức năng	TPCN nhập trong nước		Số thứ tự 00001
Y200001	Y	2		00001
	Thiết bị y tế	TBYT nhập khẩu		Số thứ tự 00001
H200001	H	2		00001
	Vật tư tiêu hao	VTTH nhập khẩu		Số thứ tự 00001
D100001	D	1		00001
	Hàng tiêu dùng	Hàng tiêu dùng nhập trong nước		Số thứ tự 00001

3. Mã định danh phiếu nhập kho hàng hóa: Mã NK

4. Mã định danh phiếu trả hàng nhà cung cấp: Mã NL

III. Hệ thống mã định danh phục vụ nghiệp vụ Giao dịch bán hàng:

1. Mã định danh vùng (63 tỉnh thành):

Mã định danh điện tử của vùng được cấp cho từng tỉnh, từng quận/huyện trong tỉnh, để phân biệt rõ ràng trên môi trường công nghệ số. Với mỗi đơn hàng bán buôn được xuất ra từ các đại lý phân phối cấp 1,2, thuật toán sẽ sinh ra hàng số, đính kèm theo đơn hàng bán buôn, để phục vụ việc xác minh đơn hàng bán buôn được bán ra từ đại lý phân phối cấp 1,2. Mỗi vùng sẽ có một số chứng thực (địa chỉ) được cấp từ hệ thống phần mềm Oracle netsuite, MobiWork DMS mã định danh điện tử cho từng vùng.

1.1. Phân loại theo tỉnh: được ký hiệu bằng 03 ký tự số là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đại lý đóng trụ sở (tham chiếu Hướng dẫn đăng ký tài khoản kết nối liên thông Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia) (Phụ lục 01)

Ví dụ: Tham chiếu mã tỉnh: 201 – Tỉnh Hà Giang

1.2. Phân loại theo huyện: được ký hiệu bằng 05 ký tự số, trong đó 03 ký tự đầu là mã tỉnh, 02 ký tự sau là quận/huyện, nơi đại lý đóng trụ sở (tham chiếu

Hướng dẫn đăng ký tài khoản kết nối liên thông Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia) được quy định tại phụ lục 02 đính kèm.

Ví dụ: Tham chiếu mã huyện trong tỉnh: 201 – Tỉnh Hà Giang, 03 -Huyện Đồng Văn, như vậy, với Huyện Đồng Văn ta có định danh mã định danh như sau: 20103: Tỉnh Hà Giang, Huyện Đồng văn

2. Mã định danh khách hàng bán buôn (khách hàng là tổ chức)

2.1. Định nghĩa

a) Mã định danh điện tử của đại lý phân phối cấp 1 (Bệnh viện, phòng khám, TTYT, nhà thuốc, công ty kinh doanh: thuốc, TPCN, sinh phẩm, TBYT, VTTH, hàng tiêu dùng tuyến tỉnh) và Đại lý phân phối cấp 2 (Bệnh viện, phòng khám, TTYT, nhà thuốc, công ty kinh doanh: thuốc, TPCN, sinh phẩm, TBYT, VTTH, hàng tiêu dùng tuyến huyện): Là mã điện tử riêng dành cho đại lý phân phối cấp 1,2 để đính kèm theo từng đơn hàng bán buôn. Mã định danh điện tử của đại lý phân phối cấp 1,2 sẽ bao hàm các thông tin chi tiết:

- Đối với các cơ sở khám chữa bệnh: Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (đã cấp và bổ sung)....;

- Đối với nhà thuốc: Giấy chứng nhận thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc GPP; Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP; Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (đã cấp và bổ sung)....

- Đối với Công ty kinh doanh Dược: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP; Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (đã cấp và bổ sung), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy đủ điều kiện kinh doanh Dược, mã số thuế.

- Đối với Công ty kinh doanh TTBYT, VTTH, hàng tiêu dùng: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số thuế, giấy đủ đk kinh doanh TTBYT.

b) Mã định danh điện tử được cấp một cách riêng biệt và không trùng lặp cho từng đại lý phân phối cấp 1,2 để phân biệt từng đại lý trên môi trường công nghệ số. Khi đưa mã định danh điện tử vào đơn hàng bán buôn, thuật toán sẽ sinh ra hàng số đính kèm theo đơn hàng bán buôn để phục vụ việc xác minh thuộc đại lý phân phối cấp 1,2 nào. Mỗi một đại lý phân phối cấp 1,2 sẽ có một số chứng thực (địa chỉ) được cấp từ cơ quản lý (Sở y tế, Bộ y tế) thông qua phần mềm Oracle netsuite, **MobiWork DMS** Kho thuốc bán buôn online.

2.2. Phân loại theo khách hàng bán buôn

- Đại lý cấp 1: Các tổ chức là cơ sở khám chữa bệnh, phòng khám, nhà thuốc thuộc tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. **Mã: DL1.**

- Đại lý cấp 2: Các tổ chức là cơ sở khám chữa bệnh, phòng khám, nhà thuốc thuộc tuyến quận, huyện. **Mã: DL2.**

2.3. Phân loại theo loại hình đại lý

- Đối với đại lý là bệnh viện công lập: **Mã: BVC**

- Đối với đại lý là Trung tâm y tế: **Mã: TTYT**
- Đối với đại lý là Trạm y tế: **Mã: TYT**
- Đối với đại lý là bệnh viện tư: **Mã: BVT**
- Đối với đại lý là phòng khám tư: **Mã: PK**
- Đối với đại lý là nhà thuốc tư: **Mã: NT**
- Đối với đại lý là công ty dược: **Mã: CTD**

2.4. Phân loại theo mã số của các cơ sở khám chữa bệnh

- Đối với đại lý là cơ sở khám chữa bệnh công lập: Mã Số cơ sở khám chữa bệnh là mã được cấp bởi Bộ Y tế tại Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015 (**Quyết định cập nhật : QĐ số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019**) được quy định tại **phụ lục 03** quy định bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm Y tế.

- Đối với đại lý là phòng khám tư, nhà thuốc tư nhân, công ty dược: Mã đại lý là dãy số tăng dần 5 chữ số (00000).

2.5. Phân loại theo cơ quan quản lý:

- Tổ chức có cơ quan quản lý là Bộ Y tế: Mã A
- Tổ chức có cơ quan quản lý là Sở Y tế: Mã B
- Tổ chức có cơ quan quản lý là Bộ công an: Mã C
- Tổ chức có cơ quan quản lý là Quân đội: Mã D
- Thuộc các bộ ngành khác: Mã K

2.6. Phiên giải mã định danh

Mỗi đại lý sẽ được gắn mã định danh duy nhất là chuỗi ký tự và số theo phân loại như mục II và khoản 2,3,4 mục III. Cụ thể:

Mã định danh khách hàng bán buôn	Phân loại theo tỉnh	Phân loại theo Quận/Huyện	Phân loại theo cấp đại lý	Phân loại theo loại hình đại lý	Phân loại theo cơ quan quản lý	Phân loại theo mã số của đơn vị	Phiên giải
30501ĐL1BVCB17001	305	01	ĐL1	BVC	B	17001	Mã định danh cho BV ĐK tỉnh Hòa Bình, TP Hòa Bình, là đại lý cấp 1, loại hình BV công
	Hòa Bình	Thành phố	Đại lý cấp 1	Bệnh viện công	SYT là cơ quan chủ quản	BVĐK tỉnh Hòa Bình	
10154ĐL1PKB00001	101	54	ĐL1	PK	B	00001	Mã định danh dành cho PK The
	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	Đại lý cấp 1	Phòng khám tư	SYT là cơ quan	Phòng khám đa khoa	

Mã định danh khách hàng bán buôn	Phân loại theo tỉnh	Phân loại theo Quận/Huyện	Phân loại theo cấp đại lý	Phân loại theo loại hình đại lý	Phân loại theo cơ quan quản lý	Phân loại theo mã số của đơn vị	Phiên giải
					chủ quản	The Emerald	Emerald, TP Hà Nội, quận Nam Từ Liêm, số thứ tự 01, là đại lý cấp 1, loại hình PK tư

Ghi chú: Để hiểu rõ về mã định danh khách hàng bán buôn ví dụ: **30501ĐL1BVC17001**

- 305 mã định danh của tỉnh Hòa Bình
- 01 mã định danh của thành phố Hòa Bình
- ĐL1 mã định danh đại lý cấp 1
- BVC mã định danh của bệnh viện công lập
- B mã định danh cơ quan quản lý là Sở Y tế
- 17001 mã định danh của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình được quy định

tại **phụ lục 03**

3. Mã định danh khách hàng bán lẻ (khách hàng là cá nhân)

3.1. Mục đích

- Giúp quản lý thông tin khách hàng một cách khoa học trong công tác quản lý và vận hành TTPP.
- Giúp quản lý thông tin khách hàng để áp dụng các chương trình chăm sóc khách hàng, tích điểm cho khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quản lý thông tin khách hàng sẽ giúp việc quản lý sử dụng thuốc trong cộng đồng một cách an toàn, hiệu quả, đây là một nhiệm vụ trong công tác cảnh giác được của TTPP.

3.2. Nguyên tắc đặt mã định danh khách bán lẻ

3.2.1 Phân loại theo loại hình khách hàng bán lẻ: Mã BL

- Khách hàng nhóm từ TTPP (bác sỹ, dược sỹ) đến người dân: Mã **BLTT**
- Khách hàng nhóm từ các cơ sở khám chữa bệnh: Mã **BLKB**

3.2.2 Phiên giải mã định danh:

- Mỗi khách hàng bán lẻ sẽ được gán mã định danh duy nhất là chuỗi ký tự và số theo phân loại như mục II và điểm 2.1, khoản 2, mục IV.
- Các đơn thuốc và đơn hàng của khách lẻ đều phải có mã khách lẻ đi kèm để phục vụ công tác quản lý sử dụng thuốc, đặc biệt trong công tác cảnh giác được.

Đối với trường hợp khách lẻ đã mua nhiều lần trong hệ thống, phần mềm có chức năng phát hiện và tự động cập nhật theo các thông tin đã lưu trữ và lịch sử mua hàng của khách hàng.

- Đối với khách hàng bán lẻ không cung cấp đầy đủ thông tin, trường thông tin thiếu sẽ dung, Mã: 0

Mã định danh khách hàng bán lẻ	Phân loại theo tỉnh	Phân loại theo huyện	Phân loại theo loại hình khách hàng	Phân loại theo dãy số nhảy 10 chữ số
10101BLTT0000000001	101	01	BLTT	0000000001
	Hà Nội	Quận Ba Đình	Khách bán lẻ trực tiếp từ TTPP	Số thứ tự 01
00000BLKB0000000002	000	00	BLKB	0000000002
	Không biết	Không biết	Khách bán lẻ từ cơ sở khám bệnh	Số thứ tự 02

4. Mã định danh cho người hành nghề y được

- Mã định danh điện tử của người hành nghề: Là mã điện tử riêng dành cho từng người hành nghề để đính kèm theo từng đơn thuốc. Mã định danh điện tử của mỗi người hành nghề sẽ bao hàm các thông tin chi tiết: Chứng chỉ hành nghề (đã cấp và bổ sung), đơn vị công tác (nơi làm việc chính và nơi làm ngoài giờ hành chính).

- Mã định danh điện tử được cấp cho từng cá nhân và không giống nhau để phân biệt từng người trên môi trường công nghệ số. Khi đưa mã định danh điện tử vào đơn thuốc, thuật toán sẽ sinh ra hàng số đính kèm theo đơn để phục vụ việc xác minh người hành nghề kê đơn. Mỗi người hành nghề sẽ có một số chứng thực (địa chỉ) được cấp từ cơ quản lý (Sở y tế, Bộ y tế) thông qua phần mềm Oracle netsuite, Mobile app Kho đơn thuốc điện tử TTPP.

- Thông qua mã định danh điện tử của chính mình, người hành nghề quản trị được toàn bộ đơn thuốc của mình đã kê cho bệnh nhân.

- Mã định danh điện tử của người hành nghề là số chứng chỉ hành nghề của mỗi người. Ví dụ: Bà Trần Mỹ Linh: 006447/HNO-CCHN

Mã định danh người hành nghề y được	Phân loại theo tỉnh	Mã định danh cho người hành nghề y được
101006447/HNO-CCHN	101	006447/HNO-CCHN
	Hà Nội	Bác sỹ Trần Mỹ Linh

5. Mã định danh Đơn thuốc điện tử

- Áp dụng phần mềm Oracle netsuite, Mobile app tạo đơn thuốc điện tử trên máy tính và gửi trong môi trường Website thương mại điện tử của Vietpharm.com.vn đúng theo quy định của thông tư số 52/2017/TT-BYT và 18/2018/TT-BYT.

- Đơn thuốc điện tử phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định tại các Thông tư và được chuẩn hóa dưới định dạng số với quy cách thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Toàn bộ tên thuốc và hoạt chất trong đơn kê được sử dụng theo cơ sở mã định danh các loại thuốc mà Cục Quản lý dược đang quy định và sử dụng trên phần mềm Dược quốc gia theo quyết định 540/QĐ-QLD.

- Đơn thuốc điện tử phải đáp ứng chuẩn ban hành để có thể gửi đơn tới kho đơn thuốc điện tử TTPP. Mỗi đơn thuốc điện tử phải đính kèm: Mã định danh điện tử của người hành nghề, mã định danh điện tử của cơ sở khám chữa bệnh. Phần mềm Oracle netsuite, Mobile app tạo đơn thuốc điện tử có 2 định dạng:

+ Phần mềm quản trị và kê đơn sẵn có của các cơ sở khám chữa bệnh được nâng cấp đúng chuẩn ban hành của đơn thuốc điện tử đính kèm mã định danh của cơ sở khám chữa bệnh, người hành nghề và kết nối liên thông qua cổng API để gửi về kho đơn thuốc điện tử TTPP.

+ Trang kê đơn thuốc độc lập đạt chuẩn ban hành của đơn thuốc điện tử, được đính kèm mã định danh của cơ sở khám chữa bệnh, người hành nghề và kết nối liên thông qua cổng API để gửi về kho đơn thuốc điện tử TTPP

- Mã đơn thuốc điện tử có 04 định dạng:

+ Đơn thuốc thường: Mã **ĐTT**

+ Đơn thuốc H (thuốc hướng thần): Mã **ĐTH**

+ Đơn thuốc N (thuốc gây nghiện): Mã **ĐTN**

+ Đơn thuốc nội trú (dành cho việc kê đơn với người bệnh nội trú): Mã **ĐNT**

Mã định danh đơn thuốc điện tử	Phân loại theo tỉnh	Phân loại đơn thuốc	Dãy số nhảy
101ĐTH0000000001	101	ĐTH	0000000001
	Hà Nội	Đơn thuốc hướng thần	Số thứ tự 1

6. Mã định danh Đơn hàng: Mã **ĐH**

a) Bán lẻ: Mã **ĐHL**

b) Bán buôn: Mã **ĐHB**

c) Đầu thầu tại các cơ sở khám chữa bệnh: Mã **ĐHT**

IV. Hệ thống mã định danh phục vụ nghiệp vụ Phát hành hóa đơn (Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho):

1. Mã định danh Hóa đơn GTGT:

1.1. Ký hiệu mẫu số hóa đơn (mẫu hóa đơn): Ký hiệu mẫu số hóa đơn có

11 ký tự, trong đó:

- 02 ký tự đầu là 01 thể hiện loại hóa đơn Giá trị gia tăng
- 04 ký tự tiếp theo là GTKT thể hiện tên hóa đơn Giá trị gia tăng
- 01 ký tự tiếp theo là 0 thể hiện số liên của hóa đơn là 0
- 01 ký tự tiếp theo là "/" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

- 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

Ví dụ: 01GTKT0/001: Mẫu thứ nhất của loại hóa đơn Giá trị gia tăng 0 liên.

Hóa đơn giá trị gia tăng áp dụng tại TTPP hiện nay: mẫu **01GTKT0/004**.

1.2. Ký hiệu hóa đơn: ký hiệu hóa đơn có 6 ký tự. Trong đó:

- 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu hóa đơn. Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y. Trong trường hợp này, ký hiệu hóa đơn là 2 chữ cái viết tắt của tỉnh, thành phố để phân biệt nơi phát hành hóa đơn trong hệ thống TTPP. Ví dụ: HN là TTPP tại Hà Nội, BN là TTPP tại Bắc Ninh,....

- 03 ký tự cuối cùng thể hiện năm tạo hóa đơn và hình thức hóa đơn:

+ 2 ký tự đầu là năm tạo hóa đơn được thể hiện bằng hai số cuối của năm.

+ 1 ký hiệu cuối là E thể hiện hình thức hóa đơn là hóa đơn điện tử.

- Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ: HN/20E: Hóa đơn điện tử phát hành năm 2020 của TTPP tại Hà Nội

BN/20E: Hóa đơn điện tử phát hành năm 2020 của TTPP tại Bắc Ninh

1.3. Số hóa đơn: là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi Công ty TNHH – Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex lập hóa đơn. Số hóa đơn được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Hóa đơn được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu hóa đơn và ký hiệu mẫu số hóa đơn.

Trường hợp số hóa đơn không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 8 chữ số.

2. Mã định danh Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho:

2.1. Ký hiệu mẫu số Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho: Ký hiệu mẫu số Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho có 11 ký tự, trong đó:

- 02 ký tự đầu là 01 thể hiện loại Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho
- 04 ký tự tiếp theo là GTGT thể hiện tên Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho (Trong giai đoạn TT68 chưa có hiệu lực, ký hiệu này lấy theo TT39).
- 01 ký tự tiếp theo là 0 thể hiện số liên của phiếu là 0
- 01 ký tự tiếp theo là "/" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

- 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại phiếu xuất kho kiêm vận chuyển.

Ví dụ: 01GTGT0/006: Mẫu thứ nhất của loại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển 0 liên.

Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho áp dụng tại TTPP hiện nay: mẫu **01GTGT0/006**.

2.2. Ký hiệu hóa đơn: ký hiệu Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho có 6 ký tự. Trong đó:

- 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển. Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y. Trong trường hợp này, ký hiệu hóa đơn là 2 chữ cái viết tắt của tỉnh, thành phố để phân biệt nơi phát hành hóa đơn trong hệ thống TTPP. Ví dụ: HN là TTPP tại Hà Nội, BN là TTPP tại Bắc Ninh,....

- 03 ký tự cuối cùng thể hiện năm tạo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và hình thức phiếu xuất kho kiêm vận chuyển:

+ 2 ký tự đầu là năm tạo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển, được thể hiện bằng hai số cuối của năm.

+ 1 ký hiệu cuối là E thể hiện hình thức phiếu xuất kho kiêm vận chuyển là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử.

- Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ: HN/20E: Hóa đơn GTGT kiêm Phiếu xuất kho điện tử phát hành năm 2020 tại TTPP ở Hà Nội.

2.3. Số Hoá đơn: là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi Công ty TNHH – Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex lập Hoá đơn GTGT kiêm phiếu xuất kho. Số Hoá đơn GTGT kiêm phiếu xuất kho được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Hoá đơn GTGT kiêm phiếu xuất kho được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và ký hiệu mẫu số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển.

Trường hợp số Hoá đơn GTGT kiêm phiếu xuất kho không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 8 chữ số.

3. Mã định danh Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử (Sử dụng khi điều chuyển hàng hoá từ kho tổng Công ty đến các nhà thuốc trong hệ thống Vimedimex):

3.1. Ký hiệu mẫu số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử: Ký hiệu mẫu số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển có 11 ký tự, trong đó:

- 02 ký tự đầu là 03 thể hiện loại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử
- 04 ký tự tiếp theo là XKNB thể hiện tên Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử (Trong giai đoạn TT68 chưa có hiệu lực, ký hiệu này lấy theo TT39).
- 01 ký tự tiếp theo là 0 thể hiện số liên của phiếu là 0
- 01 ký tự tiếp theo là "/" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.
- 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại phiếu xuất kho kiêm vận chuyển.

Ví dụ: 03XKNB0/001: Mẫu thứ nhất của loại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử 0 liên.

3.2. Ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử: ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử có 6 ký tự. Trong đó:

- 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử. Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y. Trong trường hợp này, ký hiệu hóa đơn là 2 chữ cái viết tắt của tỉnh, thành phố để phân biệt kho tổng nào là kho xuất hàng. Ví dụ: HN là kho tổng tại Hà Nội, SG là kho tổng tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn).

- 03 ký tự cuối cùng thể hiện năm tạo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và hình thức phiếu xuất kho kiêm vận chuyển:

- + 2 ký tự đầu là năm tạo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển, được thể hiện bằng hai số cuối của năm.

- + 1 ký hiệu cuối là E thể hiện hình thức phiếu xuất kho kiêm vận chuyển là phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử.

- Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ: HN/20E: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử phát hành năm 2020 từ kho Hà Nội.

3.3. Số phiếu xuất kho: là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi Công ty TNHH – Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử. Số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử và ký hiệu mẫu số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử

Trường hợp số phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 8 chữ số.

4. Mã định danh phiếu trả hàng của khách hàng: Mã TH

a) Bán lẻ: Mã **THL**

b) Bán buôn: Mã **THB**

c) Đầu thầu tại các cơ sở khám chữa bệnh: Mã **THT**

V. Hệ thống mã định danh phục vụ nghiệp vụ hạch toán kế toán:

1. Mã định danh phiếu thu: Mã PT

Mã định danh phiếu thu là chuỗi 13 ký tự. Trong đó:

- 2 chữ số đầu là viết tắt của năm phát hành phiếu thu. Ví dụ: Năm phát hành phiếu thu là 2020 thì mã là 20.

- 2 chữ số tiếp theo là tháng phát hành phiếu thu. Ví dụ: Tháng phát hành phiếu thu là tháng 1 thì mã là 01.

- Giữa năm phát hành phiếu thu và tháng phát hành phiếu thu được ngăn cách bằng ký tự “/”.

- 2 ký tự tiếp theo là loại chứng từ. Mã định danh của phiếu thu là PT.

- 5 chữ số tiếp theo là dãy số nhảy của phiếu thu.

- Giữa ngày tháng phát hành phiếu thu và mã phiếu thu được phân cách bằng ký tự “/”.

Ví dụ: 20/12/PT00001: Phiếu thu phát hành tháng 12 năm 2020 số thứ tự 00001.

2. Mã định danh phiếu chi tiền mặt: Mã PC

Mã định danh phiếu chi là chuỗi 13 ký tự. Trong đó:

- 2 chữ số đầu là viết tắt của năm phát hành phiếu chi. Ví dụ: Năm phát hành phiếu chi là 2020 thì mã là 20.

- 2 chữ số tiếp theo là tháng phát hành phiếu chi. Ví dụ: Tháng phát hành phiếu chi là tháng 1 thì mã là 01.

- Giữa năm phát hành phiếu chi và tháng phát hành phiếu chi được ngăn cách bằng ký tự “/”.

- 2 ký tự tiếp theo là loại chứng từ. Mã định danh của phiếu chi là PC.

- 5 chữ số tiếp theo là dãy số nhảy của phiếu chi.

- Giữa ngày tháng phát hành phiếu chi và mã phiếu chi được phân cách bằng ký tự “/”.

Ví dụ: 20/12/PC00001: Phiếu chi phát hành tháng 12 năm 2020 số thứ tự 00001.

3. Mã định danh Phiếu theo dõi chi phí mua hàng: Mã CP

4. Mã định danh Phiếu xuất kho: Mã P XK

Mã định danh phiếu xuất kho là chuỗi 14 ký tự. Trong đó:

- 2 chữ số đầu là viết tắt của năm phát hành phiếu xuất kho. Ví dụ: Năm phát hành phiếu xuất kho là 2020 thì mã là 20.

- 2 chữ số tiếp theo là tháng phát hành phiếu xuất kho. Ví dụ: Tháng phát hành phiếu xuất kho là tháng 1 thì mã là 01.

- Giữa năm phát hành phiếu xuất kho và tháng phát hành phiếu xuất kho được ngăn cách bằng ký tự “/”.

- 3 ký tự tiếp theo là loại chứng từ. Mã định danh của phiếu xuất kho là P XK.

- 5 chữ số tiếp theo là dãy số nhảy của phiếu xuất kho.

- Giữa ngày tháng phát hành phiếu xuất kho và mã phiếu xuất kho được phân cách bằng ký tự “/”.

Ví dụ: 20/12/PXK00001: Phiếu xuất kho phát hành tháng 12 năm 2020 số thứ tự 00001.

5. Mã định danh Thẻ tài sản cố định: Mã TTS

VI. Phân quyền truy cập, quản trị dữ liệu hệ thống:

1. Phân quyền cho Công ty TNHH - Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex

1.1 Phân quyền quản trị hệ thống

a. Phân quyền hỗ trợ chuyên môn của Bệnh viện phổi TW

- Giám đốc Bệnh viện
- Trưởng khoa dược Bệnh viện
- Kế toán trưởng Bệnh viện

b. Phân quyền quản trị hệ thống đối với công ty VMD

- Chủ tịch HĐQT
- Phó chủ tịch HĐQT phụ trách chuyên môn
- TGD Công ty VMD
- PTGD phụ trách tài chính công ty VMD
- Kế toán trưởng công ty VMD
- Trưởng ban kiểm soát VMD

c. Phân quyền quản trị hệ thống đối với công ty VMD2

- Cố vấn cao cấp của HĐQT VMD2
- TGD Công ty VMD2
- Kế toán trưởng VMD2

d. Phân quyền quản trị hệ t

hống đối với Công ty TNHH – TTPP dược phẩm Vimedimex

- Giám đốc TTPP
- PGĐ TTPP
- Kế toán trưởng TTPP

1.2. Tại trung tâm thuốc CT3 Mễ Trì

a) Tại trụ sở CT3 Mễ Trì

- Giám đốc TTPP
- PGĐ TTPP

- Kế toán trưởng TTPP
- TP Giao dịch
- TP Kinh doanh
- TP Kế hoạch và xuất nhập

b) Tại các Đại lý phân phối cấp 1

- GD/PGĐ phụ trách
- TP giao dịch
- TP Kinh doanh
- Kế toán trưởng

c) Phân quyền quản trị 62 công ty TNHH MTV - Trung tâm phân phối được phẩm Vimedimex tại 62 tỉnh thành

- Giám đốc TTPP
- PGĐ TTPP
- Kế toán trưởng TTPP
- TP Giao dịch
- TP Kinh doanh
- TP Kế hoạch và xuất nhập

2. Phân quyền cho công ty TNHH MTV - Trung tâm phân phối được phẩm Vimedimex tại 62 tỉnh thành:

2.1. Tại trụ sở trung tâm phân phối

- Giám đốc TTPP
- PGĐ TTPP
- Kế toán trưởng TTPP
- TP Giao dịch
- TP Kinh doanh
- TP Kế hoạch và xuất nhập

2.2. Các đại lý cấp 1

- GD/PGĐ phụ trách
- TP giao dịch
- TP Kinh doanh
- Kế toán trưởng

2.3. Các đại lý cấp 2

- GD/PGĐ phụ trách
- TP giao dịch
- TP Kinh doanh
- Kế toán trưởng

XIV. Phân quyền ký chữ ký số trên Hóa đơn điện tử

1. Phân quyền cho Công ty TNHH - Trung tâm phân phối được phẩm Vimedimex:

- Giám đốc TTPP/PGĐ TTPP được ủy quyền
- TP kho vận
- Kế toán kho

2. Phân quyền cho Công ty TNHH MTV - Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex tại 62 tỉnh thành:

- Giám đốc TTPP/PGĐ TTPP được ủy quyền
- TP kho vận
- Kế toán kho

GIÁM ĐỐC 



GIÁM ĐỐC
Trần Mỹ Linh

